UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:2239 /TB-SYT	*Điện Biên, ngày 06 tháng 12 năm 2022*

THÔNG BÁO

Danh sách Y, Bác sĩ tham gia khám bệnh, chữa bệnh Lao tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Thông tư số 36/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế quy định khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí bảo hiểm y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh lao; Công văn số 3153/BYT-BH ngày 16/6/2022 của Bộ Y tế về việc tổ chức thực hiện Thông tư số 36/2021/TT-BYT của Bộ Y tế.

Sở Y tế tỉnh Điện Biên Thông báo danh sách 302 Y, Bác sĩ tham gia công tác khám bệnh, chữa bệnh Lao tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

1. Bệnh viện đa khoa tỉnh: 01 Y, Bác sĩ;
2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 08 Y, Bác sĩ;
3. Bệnh viện Phổi: 16 Y, Bác sĩ;
4. Trung tâm Y tế thành phố Điện Biên Phủ: 29 Y, Bác sĩ;
5. Trung tâm Y tế huyện Điện Biên: 56 Y, Bác sĩ;
6. Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông: 18 Y, Bác sĩ;
7. Trung tâm Y tế huyện Mường Ảng: 20 Y, Bác sĩ;
8. Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo: 65 Y, Bác sĩ;
9. Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa: 29 Y, Bác sĩ;
10. Trung tâm Y tế thị xã Mường Lay: 04 Y, Bác sĩ;
11. Trung tâm Y tế huyện Mường Chà: 15 Y, Bác sĩ;
12. Trung tâm Y tế huyện Nậm Pồ: 20 Y, Bác sĩ;
13. Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé: 21 Y, Bác sĩ.

(Danh sách chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Trên đây là Thông báo của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về danh sách Y, Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh Lao tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Điện Biên./.

Nơi nhận:
- Vụ BHYT, Bộ Y tế (b/c);
- Đ/c Giám đốc SYT (b/c);
- BHXH tỉnh (ph/h);
- Các Phòng chức năng SYT;
- Các đơn vị trực thuộc SYT;
- Wedsite SYT;
- Lưu: VT, NVYD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Vừ A Sử

PHỤ LỤC

Danh sách Y, Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh Lao tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SYT ngày /12/2022 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên)

STT	Họ và tên	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi HĐCM bổ sung	Số GCN đã được tập huấn	Ngày cấp Giấy chứng nhận đã được tập huấn
I	**Bệnh viện đa khoa tỉnh**						
1	Nguyễn Thị Đông Lan	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1120626563	003462/ĐB-CCHN	KCB Lao	752/2022-B55	23/9/2022
II	**Bệnh viện Phổi**						
1	Lê Văn Lương	Bệnh viện Phổi	0198099696	000142/ĐB-CCHN	KCB Lao	754/2022-B55	23/9/2022
2	Nguyễn Đức Vinh	Bệnh viện Phổi	1297007007	000609/ĐB-CCHN	KCB Lao	741/2022-B55	23/9/2022
3	Trần Hạnh Nam	Bệnh viện Phổi	6206001030	003269/ĐB-CCHN	KCB Lao	755/2022-B55	23/9/2022
4	Cao Văn Thắng	Bệnh viện Phổi	6207001882	000465/ĐB-CCHN	KCB Lao	751/2022-B55	23/9/2022
5	Dương Quang Nam	Bệnh viện Phổi	1112002321	003490/ĐB-CCHN	KCB Lao	753/2022-B55	23/9/2022
6	Phạm Bá Quỳnh	Bệnh viện Phổi	6206001676	0001141/ĐB-CCHN	KCB Lao	23/MÃ C52.02	30/12/2021
7	NguyễnThị Huyền	Bệnh viện Phổi	6206001904	002406/ĐB-CCHN	KCB Lao	29/MÃ C52.02	30/12/2021
8	Đỗ Quang Khải	Bệnh viện Phổi	1108002341	002567/ĐB-CCHN	KCB Lao	25/MÃ C52.02	30/12/2021
9	Nguyễn Thành Nam	Bệnh viện Phổi	6207001308	000583/ĐB-CCHN	KCB Lao	27/MÃ C52.02	30/12/2021
10	Hà Thị Phương Thảo	Bệnh viện Phổi	6207002099	0001144/ĐB-CCHN	KCB Lao	6763/2021-B45	15/10/2021
11	Trần Văn Thao	Bệnh viện Phổi	6206003322	000745/ĐB-CCHN	KCB Lao	26/MÃ C52.02	30/12/2021
12	Phan Thị Hường	Bệnh viện Phổi	6206001243	000607/ĐB-CCHN	KCB Lao	6761/2021-B45	15/10/2021
13	Trần Ngọc Sơn	Bệnh viện Phổi	1108000649	002755/ĐB-CCHN	KCB Lao	6762/2021-B45	15/10/2022
14	Nguyễn Thị Hậu	Bệnh viện Phổi	1108000349	002353/ĐB-CCHN	KCB Lao	28/MÃ C52.02	30/12/2021
15	Nguyễn Như Quỳnh	Bệnh viện Phổi	1108002336	000638/ĐB-CCHN	KCB Lao	30/MÃ C52.02	30/12/2021
16	Lê Văn Yên	Bệnh viện Phổi	1110002782	003418/ĐB-CCHN	KCB Lao	24/MÃ C52.02	30/12/2021
III	**Trung tâm Kiểm soát bệnh tật**						
1	Lò Thị Tố Khuyên	Khoa PC HIV/AIDS	1108002147	002891/ĐB-CCHN	KCB Lao	745/2022-B55	23/9/2022
2	Nguyễn Thị Thúy Ninh	Phòng khám đa khoa	6206003202	0001609/ĐB-CCHN	KCB Lao	749/2022-B55	23/9/2022
3	Lò Hoài Thu	Phòng khám đa khoa	1298015013	002616ĐB-CCHN	KCB Lao	748/2022-B55	23/9/2022
4	Hoàng Thị Dung	Khoa XNCĐHA	6206001664	002442/ĐB-CCHN	KCB Lao	746/2022-B55	23/9/2022
5	Cao Thế Toàn	Phòng khám đa khoa	6207001810	002529/ĐB-CCHN	KCB Lao	750/2022-B55	23/9/2022

STT	Họ và tên	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi HĐCM bổ sung	Số GCN đã được tập huấn	Ngày cấp Giấy chứng nhận đã được tập huấn
6	Đào Thị Nguyên	Khoa PC HIV/AIDS	9708130024	002890/ĐB-CCHN	KCB Lao	747/2022-B55	23/9/2022
7	Trịnh Thị Thảo	Khoa PC HIV/AIDS	1296014070	0024444/ĐB-CCHN	KCB Lao	756/2022-B55	23/9/2022
8	Nguyễn Thị Thiên Hương	Khoa PC HIV/AIDS	1299016622	002910/ĐB-CCHN	KCB Lao	(Không có số)	17/8/2022
IV	**Trung tâm Y tế thành phố Điện Biên Phủ**						
1	Lê Thị Xuân	Trạm Y tế phường Mường Thanh	1111004116	000842/ĐB-CCHN	KCB Lao	91/mã C52.02	30/12/2021
2	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trạm Y tế phường Mường Thanh	1111003070	0001814/ĐB-CCHN	KCB Lao	87/mã C52.02	30/12/2021
3	Lò Thị Hoa	Trạm Y tế phường Mường Thanh	1296001245	0001221/ĐB-CCHN	KCB Lao	113/mã C52.02	30/12/2021
4	Hoàng Thị Minh Loan	Trạm Y tế phường Thanh Bình	1297004173	0001808/ĐB-CCHN	KCB Lao	77/mã C52.02	30/12/2021
5	Hoàng Thị Hương	Trạm Y tế phường Thanh Trường	1108001048	00018041/ĐBCCHN	KCB Lao	70/mã C52.02	30/12/2021
6	Nguyễn Thị Vân	Trạm Y tế phường Thanh Trường	1111003086	0001068/ĐB-CCHN	KCB Lao	89/mã C52.02	30/12/2021
7	Cao Thúy Liễu	Trạm Y tế phường Nam Thanh	6206003321	0001816/ĐB-CCHN	KCB Lao	75/mã C52.02	30/12/2021
8	Đào Xuân Kiên	Trạm Y tế phường Nam Thanh	1108001204	003449/ĐB-CCHN	KCB Lao	72/mã C52.02	30/12/2021
9	Vũ Anh Tuấn	Trạm Y tế phường Noong Bua	1108001072	0001831/ĐB-CCHN	KCB Lao	88/mã C52.02	30/12/2021
10	Trần Thanh Hồng	Trạm Y tế phường Noong Bua	1110001742	000501/ĐB-CCHN	KCB Lao	69/mã C52.02	30/12/2021
11	Lê Thị Thu	Trạm Y tế phường Tân Thanh	1296001923	000207/ĐB-CCHN	KCB Lao	86/mã C52.02	30/12/2021
12	Nguyễn Thị Hương	Trạm Y tế phường Tân Thanh	1111004110	0001809/ĐB-CCHN	KCB Lao	80/mã C52.02	30/12/2021
13	Quàng Văn Hải	Trạm Y tế phường Him Lam	1120569565	002903/ĐB-CCHN	KCB Lao	65/mã C52.02	30/12/2021
14	Nguyễn Thị Hằng	Trạm Y tế phường Him Lam	1111003063	0001823/ĐB-CCHN	KCB Lao	66/mã C52.02	30/12/2021
15	Vũ Thị Hường	Trạm Y tế xã Thanh Minh	1200018444	0001830/ĐB-CCHN	KCB Lao	90/mã C52.02	30/12/2021
16	Lương Thị Hoa	Trạm Y tế xã Thanh Minh	1203002376	0001799/ĐB-CCHN	KCB Lao	67/mã C52.02	30/12/2021
17	Nguyễn Thị Hồng Liên	Trạm Y tế xã Thanh Minh	1120599942	000841/ĐB-CCHN	KCB Lao	68/mã C52.02	30/12/2021
18	Lò Thị Kim	Trạm Y tế xã Nà Nhạn	1116004989	002711/ĐB-CCHN	KCB Lao	73/mã C52.02	30/12/2021
19	Nguyễn Thị An	Trạm Y tế xã Nà Nhạn	1112000973	002681/ĐB-CCHN	KCB Lao	62/mã C52.02	30/12/2021
20	Trần Xuân Nam	Trạm Y tế xã Pá Khoang	1115001531	002350/ĐB-CCHN	KCB Lao	79/mã C52.02	30/12/2021
21	Hoàng Xuân Quý	Trạm Y tế xã Pá Khoang	1115001544	002305/ĐB-CCHN	KCB Lao	61/mã C52.02	30/12/2021
22	Nguyễn Thị Thu	Trạm Y tế xã Mường Phăng	1129709206	0002186/ĐB-CCHN	KCB Lao	81/mã C52.02	30/12/2021
23	Lò Văn Hải	Trạm Y tế xã Mường Phăng	1116004991	002764/ĐB-CCHN	KCB Lao	76/mã C52.02	30/12/2021
24	Lường Như Quỳnh	Trạm Y tế xã Nà Tấu	1111004037	0002209/ĐB-CCHN	KCB Lao	84/mã C52.02	30/12/2021
25	Nguyễn Thị Lan	Trạm Y tế xã Nà Tấu	1115001567	000842/ĐB-CCHN	KCB Lao	74/mã C52.02	30/12/2021
26	Cà Thanh Mai	Trung tâm Y tế thành phố	1110001722	002853/ĐB-CCHN	KCB Lao	78/mã C52.02	30/12/2021

STT	Họ và tên	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi HĐCM bổ sung	Số GCN đã được tập huấn	Ngày cấp Giấy chứng nhận đã được tập huấn
27	Quàng Thị Hạnh	Trung tâm Y tế thành phố	1112001558	0001802/ĐB-CCHN	KCB Lao	82/mã C52.02	30/12/2021
28	Nguyễn Quân Công	Trung tâm Y tế thành phố	6206003359	002898/ĐB-CCHN	KCB Lao	64/mã C52.02	30/12/2021
29	Nguyễn Thị Hằng	Trung tâm Y tế thành phố	1803000517	001223/ĐB-CCHN	KCB Lao	63/mã C52.02	30/12/2021
V	**Trung tâm Y tế huyện Điện Biên**						
1	Lò Văn Phúc	Trạm Y tế xã Mường Pồn	6206001175	001374/ĐB-CCHN	KCB Lao	46/MÃ C52.02	30/12/2021
2	Giàng A Phùng	Trạm Y tế xã Hua Thanh	1113001003	0002229/ĐB-CCHN	KCB Lao	47/MÃ C52.02	30/12/2021
3	Lò Thị Nim	Trạm Y tế xã Thanh Nưa	116004988	002705/ĐB-CCHN	KCB Lao	44/MÃ C52.02	30/12/2021
4	Phạm Hồng Hạnh	Trạm Y tế xã Thanh Luông	1115001532	002321/ĐB-CCHN	KCB Lao	35/MÃ C52.02	30/12/2021
5	Quàng Thị Thiện	Trạm Y tế xã Thanh Hưng	6206000638	0002155/ĐB-CCHN	KCB Lao	51/MÃ C52.02	30/12/2021
6	Lò Ngọc Hoàng	Trạm Y tế xã Thanh Luông	1109001290	002675/ĐB-CCHN	KCB Lao	37/MÃ C52.02	30/12/2021
7	Lò Thị Thắm	Trạm Y tế xã Núa Ngam	1110000849	002438/ĐB-CCHN	KCB Lao	49/MÃ C52.02	30/12/2021
8	Tòng Thị Oanh	Trạm Y tế xã Noong Luống	1115001873	001382/ĐB-CCHN	KCB Lao	45/MÃ C52.02	30/12/2021
9	Lò Văn Thiêng	Trạm Y tế xã Pa Thơm	1111003819	0002182/ĐB-CCHN	KCB Lao	52/MÃ C52.02	30/12/2021
10	Và Thị Bấu	Trạm Y tế xã Na Ư	1111003822	0002169/ĐB-CCHN	KCB Lao	31/MÃ C52.02	30/12/2021
11	Nguyễn Duy Thịnh	Trạm Y tế xã Thanh An	1115001536	002302/ĐB-CCHN	KCB Lao	53/MÃ C52.02	30/12/2021
12	Mai Hồng Cường	Trạm Y tế xã Thanh Yên	1111004033	0001082/ĐB-CCHN	KCB Lao	33/MÃ C52.02	30/12/2021
13	Lò Thị Vui	Khoa Khám Bệnh	1113001955	002298/ĐB-CCHN	KCB Lao	59/MÃ C52.02	30/12/2021
14	Lường Thị Diện	Trạm Y tế xã Hẹ Muông	1116004990	002707/ĐB-CCHN	KCB Lao	34/MÃ C52.02	30/12/2021
15	Lò Văn Tài	Trạm Y tế xã Na Tông	1109001267	002724/ĐB-CCHN	KCB Lao	48/MÃ C52.02	30/12/2021
16	Nguyễn Đức Ngọc	Trạm Y tế xã Phu Luông	1115001579	002251/ĐB-CCHN	KCB Lao	43/MÃ C52.02	30/12/2021
17	Vũ Thị Oanh	Trạm Y tế xã Pom Lót	1108001687	003034/ĐB-CCHN	KCB Lao	58/MÃ C52.02	30/12/2021
18	Trần Thanh Mạnh	Trạm Y tế xã xã Noong Hẹt	1109000027	0001283/ĐB-CCHN	KCB Lao	40/MÃ C52.02	30/12/2021
19	Phạm Duy Tùng	Trạm Y tế xã xã Na Ư	1115001576	002258/ĐB-CCHN	KCB Lao	56/MÃ C52.02	30/12/2021
20	Vũ Thị Hoàn	Trạm Y tế xã xã Mường Nhà	1111003824	0002223/ĐB-CCHN	KCB Lao	36/MÃ C52.02	30/12/2021
21	Phạm Thị Thương	Trạm Y tế xã xã Na Tông	1111003807	0002197/ĐB-CCHN	KCB Lao	55/MÃ C52.02	30/12/2021
22	Lò Văn Hồng	PKĐKKV Mường Nhà	1114000354	002348/ĐB-CCHN	KCB Lao	38/MÃ C52.02	30/12/2021
23	Lò Văn Chiến	Khoa Khám Bệnh	1115001598	001472/ĐB-CCHN	KCB Lao	32/MÃ C52.02	30/12/2021
24	Lò Thị Tuyết	Khoa Khám Bệnh	1109001294	002443/ĐB-CCHN	KCB Lao	57/MÃ C52.02	30/12/2021
25	Nguyễn Thị Bích Thục	Khoa Truyền Nhiễm	1299016525	000790/ĐB-CCHN	KCB Lao	54/MÃ C52.02	30/12/2021

STT	Họ và tên	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi HĐCM bổ sung	Số GCN đã được tập huấn	Ngày cấp Giấy chứng nhận đã được tập huấn
26	Đinh Công Thân	Phòng KHNV	1110003585	000703//ĐB-CCHN	KCB Lao	50/MÃ C52.02	30/12/2021
27	Lò Văn Khánh	Khoa KSBT&HIV	1110001389	002476/ĐB-CCHN	KCB Lao	39/MÃ C52.02	30/12/2021
28	Nguyễn Thế Cường	Phó Giám đốc	1200017928	000066/ĐB-CCHN	KCB Lao	60/MÃ C52.02	30/12/2021
29	Nguyễn Văn Minh	Giám đốc	1203001814	000183/ĐB-CCHN	KCB Lao	41/MÃ C52.02	30/12/2021
30	Vũ Thị Kim Ngân	Phó Giám đốc	1299016491	000031/ĐB-CCHN	KCB Lao	42/MÃ C52.02	30/12/2021
31	Nguyễn Thị Yến	Trạm Y tế xã xã Thanh Luông	6206000650	0002164/ĐB-CCHN	KCB Lao	714/2022-B55	23/9/2022
32	Hoàng Thị Cương	Trạm Y tế xã xã Thanh An	1299017477	000267/ĐB-CCHN	KCB Lao	726/2022-B55	23/9/2022
33	Vì Văn Hùng	Trạm Y tế xã xã Na Tông	1111003827	0001106/ĐB-CCHN	KCB Lao	722/2022-B55	23/9/2022
34	Đàm Ngọc Bình	Trạm Y tế xã xã Na Ư	1113001096	002277/ĐB-CCHN	KCB Lao	730/2022-B55	23/9/2022
35	Lò Văn Tiến Thành	PKĐKKV Mường Nhà	1116005019	002709/ĐB-CCHN	KCB Lao	713/2022-B55	23/9/2022
36	Đào Thị Loan	Trạm Y tế xã xã Pom Lót	1111004031	0001096/ĐB-CCHN	KCB Lao	718/2022-B55	23/9/2022
37	Vừ A Lử	Trạm Y tế xã xã Thanh Xương	1113001048	0002145/ĐB-CCHN	KCB Lao	716/2022-B55	23/9/2022
38	Mai Thị Phương	Trạm Y tế xã xã Thanh Xương	1203002686	0001874/ĐB-CCHN	KCB Lao	728/2022-B55	23/9/2022
39	Trần Thanh Tú	Trạm Y tế xã xã Mường Lói	1111003811	0002149/ĐB-CCHN	KCB Lao	706/2022-B55	23/9/2022
40	Lò Văn Thủy	Trạm Y tế xã xã Mường Lói	1120338137	003448/ĐB-CCHN	KCB Lao	707/2022-B55	23/9/2022
41	Vũ Ngọc Kim	Trạm Y tế xã xã Sam Mứn	1111004029	0002156/ĐB-CCHN	KCB Lao	721/2022-B55	23/9/2022
42	Nguyễn Thị Nụ	Trạm Y tế xã xã Sam Mứn	1111000322	0002194/ĐB-CCHN	KCB Lao	720/2022-B55	23/9/2022
43	Lường Thị Thỏa	Trạm Y tế xã xã Mường Nhà	1108000553	0001110/ĐB-CCHN	KCB Lao	715/2022-B55	23/9/2022
44	Lò Thị Tăm	Trạm Y tế xã xã Núa Ngam	1111004034	0002228/ĐB-CCHN	KCB Lao	724/2022-B55	23/9/2022
45	Lò Văn Đại	Trạm Y tế xã Xã Noong Luống	6206003174	0001719/ĐB-CCHN	KCB Lao	717/2022-B55	23/9/2022
46	Lò Văn Tấn	Trạm Y tế xã Thanh Yên	1109001396	0001709/ĐB-CCHN	KCB Lao	719/2022-B55	23/9/2022
47	Hà Thị Sinh	Trạm Y tế xã Pa Thơm	1111004030	000711/ĐB-CCHN	KCB Lao	712/2022-B55	23/9/2022
48	Đỗ Thị Hiền	Trạm Y tế xã Xã Hua Thanh	1111003820	0002227/ĐB-CCHN	KCB Lao	710/2022-B55	23/9/2022
49	Lò Thị Vui	Khoa Khám Bệnh	1113001955	002298/ĐB-CCHN	KCB Lao	708/2022-B55	23/9/2022
50	Phạm Bá Đạt	Trạm Y tế xã Thanh Chăn	1109001293	002582/ĐB-CCHN	KCB Lao	725/2022-B55	23/9/2022
51	Đỗ Thị Lan Phương	Trạm Y tế xã xã Thanh Nưa	1115001539	002269/ĐB-CCHN	KCB Lao	711/2022-B55	23/9/2022
52	Lò Văn Hợp	Trạm Y tế xã xã Phu Luông	1113001014	001465/ĐB-CCHN	KCB Lao	723/2022-B55	23/9/2022
53	Phạm Tiến Bình	Trạm Y tế xã Hẹ Muông	1111003813	0002064/ĐB-CCHN	KCB Lao	709/2022-B55	23/9/2022
54	Vũ Hồng Vương	Khoa Truyền Nhiễm	1297009209	0001915/ĐB-CCHN	KCB Lao	727/2022-B55	23/9/2022
55	Phạm Minh Tú	Trạm Y tế xã Mường Pồn	1115001569	002296/ĐB-CCHN	KCB Lao	729/2022-B55	23/9/2022

STT	Họ và tên	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi HĐCM bổ sung	Số GCN đã được tập huấn	Ngày cấp Giấy chứng nhận đã được tập huấn
56	Hà Quang Tú	Khoa YTCC	1111004452	0001651/ĐB-CCHN	KCB Lao	22/MÃ C52.02	20/6/2022
VI	**Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông**						
1	Nguyễn Hồng Mạnh	Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông	6006200175	0001717/ĐB-CCHN	KCB Lao	26/MÃ C52.02	20/6/2022
2	Nguyễn Thị Kim Tuyến	Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông	111202000380	001121/ĐB-CCHN	KCB Lao	25/MÃ C52.02	20/6/2022
3	Lò Văn Vịnh	Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông	111297011786	001005/ĐB-CCHN	KCB Lao	40/MÃ C52.02	20/6/2022
4	Phạm Xuân Cường	Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông	1108002110	002486/ĐB-CCHN	KCB Lao	23/MÃ C52.02	20/6/2022
5	Cà Văn Tuân	Trạm Y tế xã Mường Luân	116206003183	002670/ĐB-CCHN	KCB Lao	28/MÃ C52.02	20/6/2022
6	Đỗ Thị Thuý	Trạm Y tế xã Chiềng Sơ	111202000380	0001602/ĐB-CCHN	KCB Lao	29/MÃ C52.02	20/6/2022
7	Lò Văn Sơn	Trạm Y tế xã Luân Giới	116206003184	002751/ĐB-CCHN	KCB Lao	27/MÃ C52.02	20/6/2022
8	Vì Văn Thoả	Trạm Y tế xã Pú Hồng	111113002256	0001146/ĐB-CCHN	KCB Lao	36/MÃ C52.02	20/6/2022
9	Nguyễn Khắc Thành	Trạm Y tế xã Phình Giàng	111108001270	0001719/ĐB/CCHN	KCB Lao	35/MÃ C52.02	20/6/2022
10	Lò Văn Dung	Trạm Y tế xã Tìa Dình	116207001262	0001720/ĐB-CCHN	KCB Lao	32/MÃ C52.02	20/6/2022
11	Quàng Văn Kim	Trạm Y tế xã Háng Lìa	111114000371	001360/ĐB-CCHN	KCB Lao	31/MÃ C52.02	20/6/2022
12	Hờ A Giàng	Trạm Y tế xã Nong U	111202000377	0001655/ĐB-CCHN	KCB Lao	34/MÃ C52.02	20/6/2022
13	Hạng A Chứ	Trạm Y tế xã Pu Nhi	111297011788	0001552/ĐB-CCHN	KCB Lao	33/MÃ C52.02	20/6/2022
14	Nguyễn Văn Dòong	Trạm Y tế xã Keo Lôm	116206001906	002467/ĐB-CCHN	KCB Lao	30/MÃ C52.02	20/6/2022
15	Sùng A Say	Trạm Y tế xã Xa Dung	111204000194	0001132/ĐB-CCHN	KCB Lao	37/MÃ C52.02	20/6/2022
16	Hạ A Khua	Trạm Y tế xã Phì Nhừ	111120459596	003277/ĐB-CCHN	KCB Lao	38/MÃ C52.02	20/6/2022
17	Lò Thị Tình	Trạm Y tế xã Na Son	111109002347	0001596/ĐB-CCHN	KCB Lao	39/MÃ C52.02	20/6/2022
18	Quàng Thị Hương	Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông	110802600195	000757/ĐB-CCHN	KCB Lao	24/MÃ C52.02	20/6/2022
VII	**Trung tâm Y tế huyện Mường Ảng**						
1	Bùi Thị Thanh Tịnh	Trạm Y tế xã Ẳng Nưa	6207001692	0001303/ĐB-CCHN	KCB Lao	5713/2021-B45	17/12/2021
2	Lường Văn Thịnh	Trạm Y tế xã Ẳng Tở	1297012679	0001126/ĐB-CCHN	KCB Lao	5714/2021-B45	17/12/2021
3	Cà Văn Phương	Trạm Y tế xã Mường Đăng	1111001405	0001751/ĐB-CCHN	KCB Lao	5716/2021-B45	17/12/2021
4	Lò Văn Chương	Trạm Y tế xã Mường Lạn	1113001310	002636/ĐB-CCHN	KCB Lao	5717/2021-B45	17/12/2021
5	Lò Thị Lan	Khoa Khám bệnh	1113001363	001432/ĐB-CCHN	KCB Lao	5709/2021-B45	17/12/2021
6	Tòng Văn Nọi	PKĐKKV Búng Lao	1108000346	002629/ĐB-CCHN	KCB Lao	5710/2021-B45	17/12/2021
7	Vàng A Tủa	Trạm Y tế xã Nặm Lịch	1110000624	0001305/ĐB-CCHN	KCB Lao	5718/2021-B45	17/12/2021
8	Ngô Thanh Tùng	Trạm Y tế xã Ngối cáy	1111001389	0001749/ĐB-CCHN	KCB Lao	5719/2021-B45	17/12/2021

STT	Họ và tên	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi HĐCM bổ sung	Số GCN đã được tập huấn	Ngày cấp Giấy chứng nhận đã được tập huấn
9	Lò Văn Diện	Trạm Y tế xã Xuân Lao	1108000345	002637/ĐB-CCHN	KCB Lao	5720/2021-B45	17/12/2021
10	Lò Văn Cường	Khoa Truyền Nhiễm	1108000371	002735/ĐB-CCHN	KCB Lao	5721/2021-B45	17/12/2021
11	Lò Văn Vinh	Khoa Nội	1111001403	00007/ĐB-CCHN	KCB Lao	5723/2021-B45	17/12/2021
12	Lò Ngọc Thoa	Trạm Y tế xã Ẳng Cang	1297012843	000800/ĐB-CCHN	KCB Lao	5712/2021-B45	17/12/2021
13	Lường Văn Bua	Trạm Y tế xã Búng Lao	1297012686	002859/ĐB-CCHN	KCB Lao	5715/2021-B45	17/12/2021
14	Tạ Ngọc Thắng	Khoa HSCC-GMPT	1111001393	003050/ĐB-CCHN	KCB Lao	731/2022-B55	23/9/2022
15	Phạm Thị Phượng	Khoa khám bệnh	11110000658	003025/ĐB-CCHN	KCB Lao	732/2022-B55	23/9/2022
16	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Khoa khám bệnh	1297012732	000799/ĐB-CCHN	KCB Lao	733/2022-B55	23/9/2022
17	Tòng Văn Tương	Khoa Nội	1120502990	002948/ĐB-CCHN	KCB Lao	734/2022-B55	23/9/2022
18	Tòng Văn Thành	Khoa YHCT-PHCN	1110000622	003015/ĐB-CCHN	KCB Lao	735/2022-B55	23/9/2022
19	Cà Thị Hòa	Khoa YHCT-PHCN	1112001934	0001289/ĐB-CCHN	KCB Lao	737/2022-B55	23/9/2022
20	Lò Đức Thắng	Khoa HSCC-GMPT	1115001722	002677/ĐB-CCHN	KCB Lao	738/2022-B55	23/9/2022
VIII	**Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo**						
1	Vừ A Lử	Trạm Y tế Xã Ta Ma	1110003228	0001730/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 19/ Mã C52.02	30/12/2021
2	Lò Văn Xiên	Trạm Y tế Xã Chiềng Đông	1297012668	003330/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 03/ Mã C52.02	30/12/2021
3	Ly A Lử	Trạm Y tế Xã Mùn Chung	1113000971	0001273/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 04 Mã C52.02	30/12/2021
4	Vàng Thị Dợ	Trạm Y tế Xã Pú Nhung	1111004067	0001219/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 05/ Mã C52.02	30/12/2021
5	Lò Thị Dung	Trạm Y tế Xã Quài Tở	1297012747	0001724/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 06/ Mã C52.02	30/12/2021
6	Lò Thị Châu Loan	Trạm Y tế xã Quài Cang	1120566846	002871/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 07/ Mã C52.02	30/12/2021
7	Vương Thị Tâm	Trạm Y tế Xã Nà Sáy	1111004077	'002430/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 08/ Mã C52.02	30/12/2021
8	Tòng Anh Văn	Trạm Y tế Xã Chiềng Sinh	1108000745	001451/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 09/ Mã C52.02	30/12/2021
9	Lò Văn Chinh	Trạm Y tế Xã Mường Khong	1115001623	003255/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 10/ Mã C52.02	30/12/2021
10	Thào A Mua	Trạm Y tế Xã Mường Mùn	1114000227	0001279/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 11/ Mã C52.02	30/12/2021
11	Hoàng Ngọc Minh	Trạm Y tế Thị Trấn	0816004781	002969/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 13/ Mã C52.02	30/12/2021
12	Lò Văn Thắm	Trạm Y tế Xã Mường Thín	1114000229	0001272/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 14/ Mã C52.02	30/12/2021
13	Lầu Nhìa Ly	Trạm Y tế Xã Tỏa Tình	1297012666	0001201/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 15/ Mã C52.02	30/12/2021
14	Lường Văn Tiến	Trạm Y tế Xã Nà Tòng	6207002445	0001727/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 17/ Mã C52.02	30/12/2021
15	Mùa A Sình	Trạm Y tế Xã Tênh Phông	1111004064	002452/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 18/ Mã C52.02	30/12/2021
16	Lò Thị Thanh	Trạm Y tế Xã Quài Nưa	1297012753	0001689/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 20/ Mã C52.02	30/12/2021
17	Vũ Văn Giáp	Trạm Y tế Xã Phình Sáng	1111004073	0001216/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 21/ Mã C52.02	30/12/2021

STT	Họ và tên	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi HĐCM bổ sung	Số GCN đã được tập huấn	Ngày cấp Giấy chứng nhận đã được tập huấn
18	Lò Văn Thân	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1111004072	002426/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 02/ Mã C52.02	30/12/2021
19	Bạc Cầm Thiệp	Trạm Y tế Xã Rạng Đông	1112001803	0001869/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 12/ Mã C52.02	30/12/2021
20	Đặng Xuân Biên	Trạm Y tế Xã Pú Xi	1110003871	0001154/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 16/ Mã C52.02	30/12/2021
21	Đoàn Vương Hùng	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1200018420	0001030/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 63/ Mã C52.02	08/12/2022
22	Quàng Văn Tại	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	6205000453	000964/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 64/ Mã C52.02	08/12/2022
23	Lò Văn Hải	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	6206001731	0001936/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 65/ Mã C52.02	08/12/2022
24	Quàng Thị Kim	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1109001090	002418/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 66/ Mã C52.02	08/12/2022
25	Vi Thị Liễu	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1202000699	0001035/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 67/ Mã C52.02	08/12/2022
26	Vì Thị Kiêm	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1115002169	001471/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 68/ Mã C52.02	08/12/2022
27	Tòng Thị Vui	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1111004056	0001728/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 69/ Mã C52.02	08/12/2022
28	Cà Thị Hà	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1111004061	0001731/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 70/ Mã C52.02	08/12/2022
29	Tòng Văn Ngoại	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1109001094	0001865/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 72/ Mã C52.02	08/12/2022
30	Lò Thị Hoa	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1113001958	001331/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 73/ Mã C52.02	08/12/2022
31	Quàng Thị Liên	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1202000694	0001228/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 74/ Mã C52.02	08/12/2022
32	Vàng Thị Ly	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1113000970	0001227/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 75/ Mã C52.02	08/12/2022
33	Quàng Văn Minh	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1109001095	0001685/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 76/ Mã C52.02	08/12/2022
34	Lê Thị Mai	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1120484317	003439/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 77/ Mã C52.02	08/12/2022
35	Mùa A Minh	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1120272322	003264/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 78/ Mã C52.02	08/12/2022
36	Lò Văn Xiên	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	6205000456	0001150/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 79/ Mã C52.02	08/12/2022
37	Nguyễn Ngọc Thanh	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1200018419	0001178/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 80/ Mã C52.02	08/12/2022
38	Lò Thị Hà	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1116005204	002786ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 81/ Mã C52.02	08/12/2022
39	Trần Thị Hằng	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1297012669	000967/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 72/ Mã C52.02	08/12/2022
40	Đôn Văn Đông	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1108000592	002798/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 83/ Mã C52.02	08/12/2022
41	Nguyễn Thị Kiểm	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1108000743	002417/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 84/ Mã C52.02	08/12/2022
42	Tòng Văn Thanh	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1108001380	002429/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 85/ Mã C52.02	08/12/2022
43	Lường Thị Thanh	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1111004057	0001694/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 86/ Mã C52.02	08/12/2022
44	Lò Văn Thiết	Trạm Y tế Xã Pú Xi	1115000589	002424/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 87/ Mã C52.02	08/12/2022
45	Lò Văn Điện	Trạm Y tế Xã Pú Xi	1108001369	002410/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 88/ Mã C52.02	08/12/2022
46	Lò Thị Tươi	Trạm Y tế Xã Mùn Chung	1115000598	002437/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 89/ Mã C52.02	08/12/2022
47	Quàng Văn Tiên	Trạm Y tế Xã Chiềng Đông	1120474338	003447/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 90/ Mã C52.02	08/12/2022

STT	Họ và tên	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi HĐCM bổ sung	Số GCN đã được tập huấn	Ngày cấp Giấy chứng nhận đã được tập huấn
48	Lò Văn Thiết	Trạm Y tế Xã Nà Tòng	1116005205	002776/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 91/ Mã C52.02	08/12/2022
49	Thào A Lan	Trạm Y tế Xã Phình Sáng	1113000803	0001199/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 92/ Mã C52.02	08/12/2022
50	Nguyễn Thu Hằng	Trạm Y tế Xã Rạng Đông	1110003241	0001931/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 93/ Mã C52.02	08/12/2022
51	Sùng Thị Dính	Trạm Y tế Xã Ta Ma	1114001400	002425/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 94/ Mã C52.02	08/12/2022
52	Mùa A Sình	Trạm Y tế Xã Pú Nhung	1120246417	003262/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 95/ Mã C52.02	08/12/2022
53	Mùa A Khua	Trạm Y tế Xã Quài Nưa	1202000697	0001179/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 96/ Mã C52.02	08/12/2022
54	Vừ Thị Hoa	Trạm Y tế xã Quài Cang	1110000846	0001231/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 97/ Mã C52.02	08/12/2022
55	Lò Thị Thoan	Trạm Y tế Thị Trấn	1111004062	0001217/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 98/ Mã C52.02	08/12/2022
56	Quàng Thị Phượng	Trạm Y tế Xã Quài Tở	1108001374	002413/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 99/ Mã C52.02	08/12/2022
57	Mùa A Ký	Trạm Y tế Xã Tênh Phông	1112001804	0001229/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 100/Mã C52.02	08/12/2022
58	Lò Văn Tình	Trạm Y tế Xã Chiềng Sinh	6206001512	002506/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 101/Mã C52.02	08/12/2022
59	Cà Thị Điện	Trạm Y tế Xã Nà Sáy	1115000590	002415/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 102/Mã C52.02	08/12/2022
60	Lò Văn Vui	Trạm Y tế Xã Mường Khong	1120229691	003440/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 103/Mã C52.02	08/12/2022
61	Quàng Thị Ninh	Trạm Y tế Xã Mường Thín	1111001432	0002109/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 104/Mã C52.02	08/12/2022
62	Mùa A Tủa	Trạm Y tế Xã Tỏa Tình	1113002228	0001258/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 105/Mã C52.02	08/12/2022
63	Lò Văn Niệm	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	6207001212	0001870/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 106/Mã C52.02	08/12/2022
64	Tòng Thị Điện	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1110001393	002723/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 107/Mã C52.03	08/12/2022
65	Quàng Thị Hiền	Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	1108001371	002664/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 108/Mã C52.02	08/12/2022
IX	**Trung tâm Y tế thị xã Mường Lay**						
1	Quàng Văn Xuân	Trạm Y tế xã Lay Nưa	1108001535	0001784/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 21/Mã C52.02	08/6/2022
2	Nguyễn Thị Hồng	Trạm Y tế phường Na Lay	1200019665	0001774/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 20/Mã C52.02	08/6/2022
3	Nguyễn Mạnh Quyết	Trạm Y tế phường Sông Đà	1108000425	002528/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 19/Mã C52.02	08/6/2022
4	Giàng Thị Nguyện	Trung tâm Y tế thi xã Mường Lay	1112003092	000566/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số 17/Mã C52.02	08/6/2022
X	**Trung tâm Y tế huyện Mường Chà**						
1	Phạm Văn Tuyền	Trung tâm Y tế huyện Mường Chà	4111120731158	0001481/ĐB-CCHN	KCB Lao	01/mã C5202	01/06/2022
2	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Trung tâm Y tế huyện Mường Chà	411111000709	002915/ĐB-CCHN	KCB Lao	02/mã C5202	01/06/2022
3	Tạ Thị Huệ	Trung tâm Y tế huyện Mường Chà	111620600043	002756/ĐB-CCHN	KCB Lao	03/mã C5202	01/06/2022
4	Mai Văn Chiến	Trạm Y tế thị trấn Mường Chà	1110003122	003005/ĐB-CCHN	KCB Lao	04/mã C5202	01/06/2022
5	Bùi Thị Tuyến	Trạm Y tế xã Na Sang	1111004152	002665/ĐB-CCHN	KCB Lao	05/mã C5202	01/06/2022

STT	Họ và tên	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi HĐCM bổ sung	Số GCN đã được tập huấn	Ngày cấp Giấy chứng nhận đã được tập huấn
6	Tòng Thị Ngân	Trạm Y tế xã Mường Mươn	4116207002434	0001252/ĐB-CCHN	KCB Lao	06/mã C5202	01/06/2022
7	Lò Huy Trọng	Trạm Y tế xã Ma Thì Hồ	2111111001810	001474/ĐB-CCHN	KCB Lao	07/mã C5202	01/06/2022
8	Hồ A Chua	Trạm Y tế xã Sa lông	2111116005561	002750/ĐB-CCHN	KCB Lao	08/mã C5202	01/06/2022
9	Thào A Sinh	Trạm Y tế xã Huổi Lèng	2111201001795	0001253/ĐB-CCHN	KCB Lao	09/mã C5202	01/06/2022
10	Cà Văn Biên	Trạm Y tế xã Hừa Ngài	2111110002329	002662/ĐB-CCHN	KCB Lao	10/mã C5202	01/06/2022
11	Điêu văn Hoàn	Trạm Y tế xã Mường Tùng	4111108000669	001454/ĐB-CCHN	KCB Lao	11/mã C5202	01/06/2022
12	Chui Văn Hồng	Trạm Y tế xã Sá Tổng	2111108000666	002555/ĐB-CCHN	KCB Lao	12/mã C5202	01/06/2022
13	Phạm Quốc Việt	Trạm Y tế xã Pa Ham	411110800687	002833/ĐB-CCHN	KCB Lao	13/mã C5202	01/06/2022
14	Lâm Thị Nhung	Trạm Y tế xã Nậm Nèn	2111114000180	0001235/ĐB-CCHN	KCB Lao	14/mã C5202	01/06/2022
15	Mùa A Hồ	Trạm Y tế xã Huổi Mý	1113000657	0001288/ĐB-CCHN	KCB Lao	15/mã C5202	01/06/2022
XI	**Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé**						
1	Vàng Văn Hiếm	Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	1202000915	002440/ĐB-CCHN	KCB Lao	57/Mã C52.02	20/6/2022
2	Lường Văn Thương	Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	1112002537	000959/ĐB-CCHN	KCB Lao	56/Mã C52.02	20/6/2022
3	Lò Văn Biên	Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	1113000414	001169/ĐB-CCHN	KCB Lao	62/Mã C52.02	20/6/2022
4	Sùng A Súa	Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	1111000413	000957/ĐB-CCHN	KCB Lao	61/Mã C52.02	20/6/2022
5	Nguyễn Văn Trường	Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	1203002916	002127/ĐB-CCHN	KCB Lao	43/Mã C52.02	20/6/2022
6	Phan Thị Là	Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	1110002124	000742/ĐB-CCHN	KCB Lao	58/Mã C52.02	20/6/2022
7	Khoàng Thị Oanh	Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	1108002010	002888/ĐB-CCHN	KCB Lao	60/Mã C52.02	20/6/2022
8	Chang Go Xó	Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	1112010063	002919/ĐB-CCHN	KCB Lao	59/Mã C52.02	20/6/2022
9	Tòng Văn Thức	Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	6206003334	002625/ĐB-CCHN	KCB Lao	41/Mã C52.02	20/6/2022
10	Lò Văn Doãn	Trạm Y tế xã Sín Thầu	1109000159	002108/ĐB-CCHN	KCB Lao	44/Mã C52.02	20/6/2022
11	Lò Văn Linh	Trạm Y tế xã Sen Thượng	1111004245	002111/ĐB-CCHN	KCB Lao	45/Mã C52.02	20/6/2022
12	Bùi Hữu Kỷ	Trạm Y tế xã Leng Su Sìn	1111003207	000955/ĐB-CCHN	KCB Lao	46/Mã C52.02	20/6/2022
13	Cà Văn Kiên	PKĐKKV Leng Su Sìn	1111003508	002606/ĐB-CCHN	KCB Lao	55/Mã C52.02	20/6/2022
14	Ngô Gia Tự	Trạm Y tế xã Chung Chải	6206001186	001200/ĐB-CCHN	KCB Lao	47/Mã C52.02	20/6/2022
15	Vàng Thị Tâm	Trạm Y tế xã Mường Nhé	6205001194	002191/ĐB-CCHN	KCB Lao	48/Mã C52.02	20/6/2022
16	Giàng A Tủa	Trạm Y tế xã Nậm Vì	1110002123	002123/ĐB-CCHN	KCB Lao	49/Mã C52.02	20/6/2022
17	Lường Văn Nghĩa	Trạm Y tế xã Mường Toong	1110002131	003038/ĐB-CCHN	KCB Lao	50/Mã C52.02	20/6/2022

STT	Họ và tên	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi HĐCM bổ sung	Số GCN đã được tập huấn	Ngày cấp Giấy chứng nhận đã được tập huấn
18	Đèo Văn Hoàn	Trạm Y tế xã Huổi Lếch	1108001722	003037/ĐB-CCHN	KCB Lao	51/Mã C52.02	20/6/2022
19	Lý A Pó	Trạm Y tế xã Pá Mỳ	1111004258	001442/ĐB-CCHN	KCB Lao	52/Mã C52.02	20/6/2022
20	Phạm Huy Thanh	Trạm Y tế xã Nậm Kè	1111004244	001119/ĐB-CCHN	KCB Lao	53/Mã C52.02	20/6/2022
21	Quàng Văn Thưởng	Trạm Y tế xã Quảng Lâm	6206003330	001497/ĐB-CCHN	KCB Lao	54/Mã C52.02	20/6/2022
XII	**Trung tâm Y tế huyện Nậm Pồ**						
1	Quàng Thị Sinh	Trạm Y tế xã Phìn Hồ	1110002331	0001538/ĐB-CCHN	KCB Lao	105/mã C52.02	30/12/2021
2	Lường Văn Thuận	Trạm Y tế xã Nà Khoa	1111004252	0001530/ĐB-CCHN	KCB Lao	110/mã C52.02	30/12/2021
3	Cà Văn Điện	Trạm Y tế xã Nậm Tin	1110002121	002580/ĐB-CCHN	KCB Lao	96/mã C52.02	30/12/2021
4	Lò Thị Tâm	Trạm Y tế xã Nà Hỳ	1111004254	0001528/ĐB-CCHN	KCB Lao	107/mã C52.02	30/12/2021
5	Lò Văn Cường	Trạm Y tế xã Nà Bủng	1109001393	0001138/ĐB-CCHN	KCB Lao	95/mã C52.02	30/12/2021
6	Lò Văn Bích	Trạm Y tế xã Nậm Chua	1111003779	0001532/ĐB-CCHN	KCB Lao	92/mã C52.02	30/12/2021
7	Cà Văn Chiến	Trạm Y tế xã Vàng Đán	2005001192	0002008/ĐB-CCHN	KCB Lao	93/mã C52.02	30/12/2021
8	Đặng Giang Nam	Trạm Y tế xã Si Pa Phìn	1109000025	0001742/ĐB-CCHN	KCB Lao	103/mã C52.02	30/12/2021
9	Lầu A Khua	Trạm Y tế xã Na Cô Sa	1111003214	0001544/ĐB-CCHN	KCB Lao	101/mã C52.02	30/12/2021
10	Hà Đức Thắng	Trạm Y tế xã Pa Tần	1114001307	002925/ĐB-CCHN	KCB Lao	108/mã C52.02	30/12/2021
11	Và A Phồng	Trạm Y tế xã Nậm Nhừ	1110002126	0001558/ĐB-CCHN	KCB Lao	104/mã C52.02	30/12/2021
12	Lò Văn Inh	Trạm Y tế xã Chà Tở	1299016631	0001559/ĐB-CCHN	KCB Lao	100/mã C52.02	30/12/2021
13	Poòng Văn Vận	Trạm Y tế xã Chà Nưa	6205001196	0012023/ĐB-CCHN	KCB Lao	112/mã C52.02	30/12/2021
14	Tòng Thị Kiên	Trạm Y tế xã Chà Cang	1111004253	0001702/ĐB-CCHN	KCB Lao	102/mã C52.02	30/12/2021
15	Lường Thị Hồng	Trạm Y tế xã Nậm Khăn	6207002444	0001523/ĐB-CCHN	KCB Lao	99/mã C52.02	30/12/2021
16	Lò Văn Thời	PKĐK KV Ba Chà	1108000583	002683/ĐB-CCHN	KCB Lao	109/mã C52.02	30/12/2021
17	Lò Văn Giang	PKĐK KV Si Pa Phìn	1115000918	001341/ĐB-CCHN	KCB Lao	98/mã C52.02	30/12/2021
18	Tao Văn Dương	PKĐK KV Ba Chà	1120655560	002928/ĐB-CCHN	KCB Lao	97/mã C52.02	30/12/2021
19	Vàng Thị Sùng	TTYT huyện Nậm Pồ	1120630622	002930/ĐB-CCHN	KCB Lao	106/mã C52.02	30/12/2021
20	Giàng A Chớ	TTYT huyện Nậm Pồ	1113000377	001741/ĐB-CCHN	KCB Lao	12/mã C52.02	15/11/2019
XIII	**Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa**						
1	Đỗ Hồng Nhung	Khoa khám bệnh TTYT	6205000295	000692/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 762/2022-B55	23/09/2022
2	Mùa A Bình	Khoa Khám bệnh	1116000470	002676/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 763/2022-B55	23/09/2022
3	Lường Thị Dung	Khoa Truyền Nhiễm	1113000732	0001211/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 769/2022-B55	23/09/2022

STT	Họ và tên	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Mã định danh y tế (Mã số BHXH)	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi HĐCM bổ sung	Số GCN đã được tập huấn	Ngày cấp Giấy chứng nhận đã được tập huấn
4	Giàng A Dì	Trạm Y tế xã Xá Nhè	1120149639	003089/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 764/2022-B55	23/09/2022
5	Hạng A Lai	PKĐKKV Xá Nhè	1115001692	002569/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 773/2022-B55	23/09/2022
6	Thào A Lồng	Trạm Y tế xã Lao xả phình	1115001643	002522/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 771/2022-B55	23/09/2022
7	Quàng Văn Luyến	Trạm Y tế xã Mường Báng	1296001944	0001682/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 761/2022-B55	23/09/2022
8	Lò Thị Mỵ	Trạm Y tế xã Mường Báng	1113000729	0001196/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 760/2022-B55	23/09/2022
9	Lò văn Minh	Trạm Y tế xã Trung Thu	111004384	0001663/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 767/2022-B55	23/09/2022
10	Lường văn Sơn	PKĐKKV Xá Nhè	1108001113	0001084/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 765/2022-B55	23/09/2022
11	Sùng A Sò	Trạm Y tế xã Tủa Thàng	1110051644	002551/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 770/2022-B55	23/09/2022
12	Vũ Thị Thoan	Trạm Y tế xã Tả phìn	6205000294	0001631/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 766/2022-B55	23/09/2022
13	Cao Minh Tuân	Trạm Y tế xã Sính Phình	111004389	0001756/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 772/2022-B55	23/09/2022
14	Phạm Trung Hiếu	Trạm Y tế xã Tả Sìn Thàng	1110002404	0001666/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 768/2022-B55	23/09/2022
15	Lường Thị Nghĩa	Trạm Y tế xã xá Nhè	1110000597	0001631/ĐB-CCHN	KCB Lao	Số: 758/2022-B55	23/09/2022
16	Giàng A Dinh	Khoa khám bệnh	1112002325	002508/ĐB-CCHN	KCB Lao	4818/2021-B45	22/10/2021
17	Hờ A Chinh	PKĐKKV Tả Sìn Thàng	1114000754	0001212/ĐB-CCHN	KCB Lao	4819/2021-B45	22/10/2021
18	Vàng A Lử	PKĐKKV Xá Nhè	1116004752	002739/ĐB-CCHN	KCB Lao	4832/2021-B45	22/10/2021
19	Vừ Thị Dì	Trạm Y tế xã Mường Báng	1112002323	0001622/ĐB-CCHN	KCB Lao	4823/2021-B45	22/10/2021
20	Lò Văn Lanh	Trạm Y tế xã Mường Đun	1108001814	0001677/ĐB-CCHN	KCB Lao	4824/2021-B45	22/10/2021
21	Lò Văn Diêm	Trạm Y tế xã Tả Phìn	1113000730	002568/ĐB-CCHN	KCB Lao	4828/2021-B45	22/10/2021
22	Lò Văn Thắng	Trạm Y tế xã Lao Xả Phìn	1111000237	0001629/ĐB-CCHN	KCB Lao	4822/2021-B45	22/10/2021
23	Sùng Thị Gênh	Trạm Y tế xã Huổi Só	1120423673	003213/ĐB-CCHN	KCB Lao	4821/2021-B45	22/10/2021
24	Lò Văn Vững	Trạm Y tế xã Tủa Thàng	1111004401	0001667/ĐB-CCHN	KCB Lao	4827/2021-B45	22/10/2021
25	Vừ A Hồng	Trạm Y tế xã Sín chải	1115001645	002517/ĐB-CCHN	KCB Lao	4825/2021-B45	22/10/2021
26	Giàng A Cao	Trạm Y tế xã Trung Thu	1115001646	002525/ĐB-CCHN	KCB Lao	4830/2021-B45	22/10/2021
27	Sùng A Khu	Trạm Y tế xã Sính Phình	1113000734	0001198/ĐB-CCHN	KCB Lao	4826/2021-B45	22/10/2021
28	Mùa A Quá	Trạm Y tế xã Tả Sìn Thàng	1110000573	0001971/ĐB-CCHN	KCB Lao	4829/2021-B45	22/10/2021
29	Nguyễn Ngọc Ánh	Trạm Y tế thị trấn Tủa Chùa	1110003181	0001618/ĐB-CCHN	KCB Lao	4820/2021-B45	22/10/2021
TỔNG CỘNG: 302 Y, BÁC SĨ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH LAO							